**SINH HỌC 7**

**TUẦN 21**

**Ngày tháng 4 năm 2020**

**Tiết: 41**

**Tên bài dạy:ĐA DẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG**

**CỦA LỚP LƯỠNG CƯ**

**A.HUỚNG DẪN HỌC TẬP**

**Trả lời câu hỏi Sinh 7 Bài 37 trang 120:** Phân biệt 3 bộ Lưỡng cư bằng những đặc điểm đặc trưng nhất.

**Lời giải:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên các bộ lưỡng cư** | **Đại diện** | **Đặc điểm đặc trưng nhất** |
| Bộ Lưỡng cư có đuôi | Cá cóc Tam Đảo | - Thân dài, đuôi dẹp bên  - Hai chi sau và trước tương đương nhau  - Hoạt động chủ yếu vào ban ngày |
| Bộ lưỡng cư không đuôi | Ếch đồng | - Thân ngắn  - Hai chi sau dài hơn 2 chi trước  - Đa số hoạt động về đêm |
| Bộ lưỡng cư không chân | Ếch giun | - Thiếu chi, thân dài  - Có mắt, miệng, răng  - Hoạt động cả ngày lẫn đêm |

**Trả lời câu hỏi Sinh 7 Bài 37 trang 121:** Quan sát hình 37.1. Đọc bảng sau, lựa chọn những câu trả lời thích hợp để điền vào bảng.

**Lời giải:**

Bảng: Một số đặc điểm sinh học của Lưỡng cư

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên đại diện** | **Đặc điểm nơi sống** | **Hoạt động** | **Tập tính tự vệ** |
| 1. Cá cóc Tam Đảo | Chủ yếu sống trong nước | Ban ngày | Trốn chạy, ẩn nấp |
| 2. Ễnh ương lớn | Ưa sống ở nước hơn | Ban đêm | Dọa nạt |
| 3. Cóc nhà | Chủ yếu sống trên cạn | Chiều và đêm | Tiết nhựa độc |
| 4. Ếch cây | Chủ yếu sống trên cây, bụi cây | Ban đêm | Trốn chạy, ẩn nấp |
| 5. Ếch giun | Sống chui luồn trong hang đất | Cả ngày và đêm | Trốn chạy, ẩn nâp |

**Bài 1 (trang 122 sgk Sinh học 7):** Hãy lấy ví dụ về sự thích nghi của lưỡng cư đối với môi trường nước là không giống nhau ở những loài khác nhau.

**Lời giải:**

 Sự thích nghi của lưỡng cư đối với môi trường nước ở các loài khác nhau là khác nhau:

   + Cá cóc Tam Đảo chủ yếu sống trong nước.

   + Ễnh ương lớn ở nước nhiều hơn ở cạn.

   + Ếch cây vừa ở nước vừa ở cạn.

   + Cóc nhà chủ yếu sống trên cạn.

   + Ếch giun sống trong hang đất.

**B.NỘI DUNG BÀI HỌC**

**1. Đ*a dạng về thành phần loài***

- Lưỡng cư có khoảng 4000 loài chia làm 3 bộ:

***+ Bộ lưỡng cư có đuôi:*** Có đuôi dài dẹp,hai chân trước bằng chân sau.

***+ Bộ lưỡng cư không đuôi:*** Thân ngắn, không có đuôi, hai chi sau to dài hơn hai chi trước.

***+ Bộ lưỡng cư không chân:*** Thân dài thiếu chi.

***2.Sự đa dạng về môi trường và tập tính***

***Luỡng cư có tập tính phong phú và đa dạng về môi trường sống***

***Đáp án : Một số đặc điểm sinh học của lưỡng cư***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên loài** | **Đặc điểm nơi sống** | **Hoạt động** | **Tập tính tự vệ** |
| Cá cóc tam đảo | Sống chủ yếu trong nước | Ban ngày | Trốn chạy, ẩn nấp |
| Ểnh ương lớn | Ưa sống ở vực nước hơn | Ban đêm | Doạ nạt |
| Cóc nhà | Ưa sống ở cạn hơn | Ban đêm | Trốn chạy ẩn nấp |
| Ếch cây | Sống chủ yếu trên cây vẫn lệ thuộc vào môi trường nước | Ban đêm | Trốn chạy ẩn nấp |
| Ếch giun | Sống chủ yếu ở cạn | Chui luồn trong hang đất | Trốn ẩn nấp |

***3.Đặc điểm chung của lưỡng cư***

Lưỡng cư là động vật có xương sống vừa thích nghi với đời sống vừa ở nước vừa ở cạn:

- Da trần và ẩm.

- Di chuyển bằng 4 chi.

- Hô hấp bằng da và phổi.

- Tim ba ngăn, hai vòng tuần hoàn, máu đi nuôi cơ thể là máu pha.

- Thụ tinh ngoài, nòng nọc phát triển qua giai đoạn biến thái .

- Là động vật biến nhiệt.

***4.Vai trò của lưỡng cư***

***Vai trò:***

- Lưỡng cư có vai trò rất lớn cho nông nghiệp vì chúng tiêu diệt sâu bọ phá hoại mùa màng, tiêu diệt sinh vật trung gian gây bệnh .

- Có giá trị thực phẩm.

- Một số lưỡng cư làm thuốc.

- Ếch đồng là vật thí nghiệm trong sinhh lí học

**C.BÀI TẬP**

- Phân biệt 3 bộ lưỡng cư.

- Nêu đặc điểm chung và vai trò của lưỡng cư?

**D. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Mô tả được tính đa dạng của lưỡng cư. Nêu được những đặc điểm để phân biệt ba bộ trong lớp Lưỡng cư ở Việt Nam.

Nêu được vai trò của lớp lưỡng cư trong tự nhiên và đời sống con người, đặc biệt là những loài quí hiếm.

**Ngày tháng 4 năm 2020**

**Tiết: 42**

**Tên bài dạy:LỚP BÒ SÁT**

**THẰN LẰN BÓNG ĐUÔI DÀI**

**A.HUỚNG DẪN HỌC TẬP**

**Trả lời câu hỏi Sinh 7 Bài 38 trang 124:** So sánh đặc điểm đời sống của thằn lằn bóng đêm đuôi dài với ếch đồng.

**Lời giải:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đặc điểm đời sống** | | **Thằn lằn bóng đuôi dài** | **Ếch đồng** |
| Nơi sống | | Khô ráo | Ẩm ướt |
| Thời gian hoạt động | | Ban ngày | Chập tối hoặc ban đêm |
| Tập tính | Trú đông | Trong hốc đất khô ráo | Trong hốc đất ẩm bên vực nước |
| Lối sống | Thường phơi nắng | Thường ở nơi tối, bóng râm |
| Sinh sản | | -Thụ tinh trong.  -Đẻ ít trứng, trứng phát triển trực tiếp thành con. | -Thụ tinh ngoài.  -Đẻ nhiều trứng, trứng thành nòng nọc phát triển qua biến thái. |

**Trả lời câu hỏi Sinh 7 Bài 38 trang 125:** Quan sát hình 38.1, lựa chọn những câu trả lời thích hợp để điền vào bảng sau:

**Lời giải:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đặc điểm cấu tạo ngoài** | **Ý nghĩa của sự thích nghi** |
| 1 | Da khô, có vảy sừng bao bọc | G |
| 2 | Có cổ dài | E |
| 3 | Mắt có mi cử động, có nước mắt | D |
| 4 | Màng nhĩ nằm trong hốc nhỏ bên đầu | C |
| 5 | Thân dài, đuôi rất dài | B |
| 6 | Bàn chân năm ngón có vuốt | A |

**Bài 1 (trang 126 sgk Sinh học 7):** Hãy trình bày đặc điểm cấu tạo ngoài của thằn lằn thích nghi với đời sống hoàn toàn ở cạn so với ếch đồng.

**Lời giải:**

 Đặc điểm cấu tạo ngoài của thằn lằn thích nghi với đời sống hoàn toàn ở cạn:

   - Da khô, có vảy sừng: tránh mất nước.

   - Cổ dài: tăng khả năng quan sát.

   - Mắt có mi cử động và có tuyến lệ: tránh khô mắt.

   - Chân có vuốt sắc: để bám vào nền khi di chuyển.

   - Màng nhĩ nằm sau trong hốc tai: bảo vệ màng nhĩ, hướng âm thanh vào màng nhĩ.

   - Thân dài, đuôi rất dài: định hướng chuyển động nhanh, linh hoạt, giữ thăng bằng khi di chuyển.

**Bài 2 (trang 126 sgk Sinh học 7):** Miêu tả thứ tự các động tác của thân và đuôi khi thằn lằn di chuyển ứng với thứ tự cử động của chi trước và chi sau. Xác định vai trò của thân và đuôi

**Lời giải:**

  \* Hoạt động bò của thằn lằn:

    + Chân trước trái và chân sau phải cố định vào đất, đuôi uốn sang phải, thân uốn sang trái, chân trước phải và chân sau trái tiến 1 bước về phía trước.

    + Chân trước phải và chân sau trái cố định vào đất, đuôi uốn sang trái, thân uốn sang phải, chân trước trái và chân sau phải tiến 1 bước về phía trước.

    + Kết thúc 1 chu kì bò thằn lằn di chuyển được 2 bước .

 \* Vai trò của thân và đuôi: khi thân và đuôi uốn mình dựa sát vào đất, tạo nên một lực ma sát, thắng được sức cản của đất nên đẩy con vật tiến lên. Thân và đuôi càng dài thì sức đẩy của thân và đuôi lên mặt đất càng mạnh, con vật bò càng nhanh.

**B.NỘI DUNG BÀI HỌC**

***1.Đời sống***

***- Đời sống:***

+ Thằn lằn ưa sống nơi khô ráo.

+ Thích phơi nắng, ăn sâu bọ.

+ Có tập tính trú đông.

+ Là động vật biến nhiệt.

***- Sinh sản:*** Thụ tinh trong, trứng có vỏ dai, nhiều noãn hoàng, trứng phát triển trực tiếp.

***Đáp án : So sánh đặc điểm đời sống của thằn lằn bóng với ếch đồng.***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm so sánh** | **Thằn lằn** | **Ếch đồng** |
| Nơi sống và hoạt động | Sống và bắt mồi ở nơi khô ráo | Sống và bắt mồi ở nơi ẩm ướt, cạnh các khu vực nước |
| Thời gian kiếm mồi | Bắt mồi về ban ngày | Bắt mồi lúc chập tối hoặc đêm. |
| Tập tính | Thích phơi nắng, trú đông trong các hố đất khô ráo | Thích ở nơi tối hoặc có bóng râm.  Trú đông trong hốc đất ẩm bên bờ vực nước hoặc trong bùn. |

***2. Cấu tạo ngoài và di chuyển***

***Đáp án: Đặc điểm cấu tạo ngoài của thằn lằn thích nghi với đời sống ở cạn***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Đặc điểm cấu tạo ngoài** | **Ý nghĩa thích nghi** |
| 1 | Da khô có vảy song bao bọc | Ngăn cản sự thoát hơi nước của cơ thể |
| 2 | Có cổ dài | Phát huy được vai trò các giác quan trên đầu và bắt mồi dễ dàng. |
| 3 | Mắt có mí cử động , có nước mắt | Bảo vệ mắt, giữ nước mắt để màng mắt không bị khô. |
| 4 | Màng nhĩ nằm trong một hốc nhỏ bên đầu | Bảo vệ màng nhĩ và hướng các dao động âm thanh vào màng nhĩ |
| 5 | Thân dài, đuôi rất dài | Động lực chính của sự di chuyển |
| 6 | Bàn chân có 5 ngón và có vuốt | Tham gia sự di chuyển ở cạn |

***. Di chuyển***

- Khi di chuyển thân và đuôi tì vào đất cử động uốn liên tục, phối hợp với các chi làm con vật tiến lên phía trước.

**C.BÀI TẬP**

- Trình bày đặc điểm cấu tạo ngoài của thằn lằn thích nghi với đời sống ở cạn.

- Thằn lằn di chuyển như thế nào ?

**D. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Nêu được những đặc điểm cấu tạo thích nghi với điều kiện sống của thằn lằn bóng đuôi dài. Biết tập tính di chuyển và bắt mồi của thằn lằn.

**SINH HỌC 7**

**TUẦN 22**

**Ngày tháng 4 năm 2020**

**Tiết: 43**

**Tên bài dạy:CẤU TẠO TRONG CỦA THẰN LẰN**

**A.HUỚNG DẪN HỌC TẬP**

**1. (trang 89 VBT Sinh học 7):** Quan sát bộ xương thằn lằn (hoặc tranh vẽ) kết hợp với hình 29.1 SGK. Hãy nêu rõ sai khác nổi bật của bộ xương thằn lằn so với bộ xương ếch đồng bằng cách lựa chọn các câu trả lời thích hợp (a, b, c,…) để điền vào bảng sau:

**Trả lời:**

   Bảng. Sự sai khác nổi bật của bộ xương thằn lằn với bộ xương ếch

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các phần của bộ xương | Ếch | Thằn lằn |
| 1 | Xương cổ | 1 đốt | Có 8 đốt |
| 2 | Xương sườn | Không có xương sườn | Có xương sườn |
| 3 | Xương cột sống | Cột sống ngắn | Có cột sống dài |
| 4 | Xương đuôi | Không có xương đuôi | Có xương đuôi |

### II. Các cơ quan dinh dưỡng (trang 89 VBT Sinh học 7)

**1. (trang 89 VBT Sinh học 7):** Dựa vào hình 39.2 SGK, theo dõi các số ghi trên hình tìm các hệ cơ quan: hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, bài tiết, sinh sản của thằn lằn.

**Trả lời:**

   Hệ tuần hoàn: Tim 3 ngăn, tâm thất có vách ngăn hụt

   - Hệ hô hấp: Phổi

   - Hệ bài tiết: Thận sau, xoang huyệt có khả năng hấp thụ lại nước tiểu

   - Hệ sinh sản: Tinh hòan, ống dẫn tính (con đực)

### III. Thần kinh và giác quan (trang 90 VBT Sinh học 7)

**1. (trang 90 VBT Sinh học 7):** Nêu rõ hệ thần kinh của thằn lằn có gì giống và khác với ếch? Em hãy điền các thông tin cần thiết vào bảng sau:

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Hệ thần kinh | |
| Thằn lằn | Ếch |
| Giống nhau | 5 bộ phận:não trước, thùy thị giác, tiểu não, hành tủy, tủy sống. | |
| Khác nhau | tiểu não phát triển | não trước phát triển |

### Câu hỏi (trang 90 VBT Sinh học 7)

**1. (trang 90 VBT Sinh học 7):** Trình bày rõ những đặc điểm cấu tạo trong của thằn lằn thích nghi với đời sống ở cạn.

**Trả lời:**

   Hô hấp bằng phổi nhờ sự co dãn của cơ liên sườn.

   - Tâm thất có vách ngăn hụt, máu nuôi cơ thể ít pha trộn.

   - Thằn lằn là động vật biến nhiệt.

   - Cơ thể giữ nước nhờ lớp vảy sừng và sự hấp thụ lại nước trong phân, nước tiểu.

   - Hệ thần kinh và giác quan tương đối phát triển.

**2. (trang 90 VBT Sinh học 7):** Lập bảng so sánh cấu tạo các cơ quan tim, phổi, thận của thằn lằn và ếch.

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các cơ quan | Thằn lằn | Ếch |
| 1. Tim | Tim 3 ngăn, tâm thất có vách ngăn hụt | Tim 3 ngăn |
| 2. Phổi | Phổi có nhiều ngăn, cơ liên sườn tham gia vào hô hấp | Phổi đơn giản, ít vách ngăn chủ yếu hô hấp bằng da |
| 3. | Thận Thận sau | Thận giữa |

**B.NỘI DUNG BÀI HỌC**

**I. Bộ xương**

Bộ xương gồm:

+ Xương đầu

+ Cột sống và các xương sườn .

+ Xương chi: gồm xương đai và các xương tự do.

**II.Các cơ quan dinh dưỡng**

***1. Tiêu hoá :*** Cơ quan tiêu hoá của thằn lằn có những thay đổi :

+ Ống tiêu hoá phân hoá rõ hơn.

+ Ruột già có khả năng hấp thụ lại nước.

***2. Tuần hoàn và hô hấp***

a. Tuần hoàn: Tim 3 ngăn (2 tâm nhĩ, 1 tâm thất ), tâm thất xuất hiện vách hụt)

- Hai vòng tuần hoàn, máu đi nuôi cơ thể ít pha trộn hơn.

b. Hô hấp : Phổi có nhiều vách ngăn.

Sự thông khí ở phổi nhờ sự xuất hiện của các cơ quan liên sườn.

***3. Bài tiết :*** Thằn lằn có thận sau (hậu thận) tiến bộ hơn hơn thận giữa của ếch, có khả năng hấp thu lại nước. Nước tiểu đặc.

**III. Thần kinh và giác quan**

- Bộ não gồm 5 phần:

Não trước và tiểu não phát triển liên quan đến đời sống và hoạt động phức tạp.

- Giác quan :

+ Tai : tai xuất hiện ống tai ngoài.

+ Mắt xuất hiện mí thứ ba.

**C.BÀI TẬP**

- So sánh bộ xương của thằn lằn và bộ xương ếch nêu lên những đặc điểm khác biệt ?

- Trình bày những đặc điểm cấu tạo trong của thằn lằn thích nghi với đời sống ở cạn ?

**D. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Nêu được các đặc điểm cấu tạo phù hợp với sự di chuyển của bò sát trong môi trường sống trên cạn. Mô tả được hoạt động của các hệ cơ quan

**Ngày tháng 4 năm 2020**

**Tiết: 44**

**Tên bài dạy: ĐA DẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA LỚP BÒ SÁT**

**A.HUỚNG DẪN HỌC TẬP**

**1. (trang 91 VBT Sinh học 7):** Quan sát hình 40.1 SGK, nêu những đặc điểm cấu tạo ngoài đặc trưng phân biệt 3 bộ thường gặp trong lớp Bò sát bằng cách chọn những nội dung thích hợp ở hình 40.1 SGK để điền vào bảng sau.

**Trả lời:**

### II. Các loài khủng long (trang 91, 92 VBT Sinh học 7)

**1. (trang 91 VBT Sinh học 7):** Quan sát, đọc chú thích hình 40.2 SGK, nêu đặc điểm của khủng long cá, khủng long cánh và khủng long bạo chúa thích nghi với đời sống của chúng.

   Em hãy chọn những nội dung thích hợp ở hình 40.2 (SGK) để điền vào bảng sau.

**Trả lời:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đặc điểm | Môi trường sống | Cổ | Chi | Đuôi | Dinh dưỡng (thức ăn) |
| Tên khủng long |  |  |  |  |  |
| Khủng long cá | Biển | Rất ngắn | Chi thành vây bơi | Vây đuôi to | Ăn cá, bạch tuộc |
| Khủng long cánh Trên | không | Ngắn | 2 chi trước thành cánh, 2 chi sau yếu | Dài mảnh | Ăn cá |
| Khủng long bạo chúa | Cạn | Ngắn | 2 chi trước ngắn, có móng vuốt, 2 chi sau to khỏe | Dài to | Ăn thịt |

**2. (trang 92 VBT Sinh học 7):** Giải thích tại sao khủng long bị tiêu diệt còn những bò sát cỡ nhỏ trong những điều kiện ấy lại vẫn tồn tại và sống sót cho đến ngày nay.

**Trả lời:**

   - Do sự thay đổi đột ngột về thời tiết từ nóng sang lạnh, làm cạn kiệt nguồn thức ăn, khủng long kích thước to nên không có chỗ ẩn náu và bị tuyệt chủng.

   - Những loài động vật kích thước nhỏ cần lượng thức ăn nhỏ và dễ dàng ẩn náu tránh rét nên không bị chết.

### III. Đặc điểm chung (trang 92 VBT Sinh học 7)

**1. (trang 92 VBT Sinh học 7):** Em hãy lựa chọn các thông tin thích hợp dưới đây để điền vào bảng sau.

    a) Không phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường (động vật biến nhiệt)

    b) Nằm trong hốc tai

    c) Dài

    d) Sừng khô

    e) Chi yếu và có vuốt sắc

    g) Cạn

    h) Thụ tinh trong

    i) Phổi có nhiều vách ngăn

    k) Có cơ quan giao phối

    l) 2 vòng, tim 3 ngăn (có vách hụt), máu đi nuôi cơ thể là máu pha

    m) Có màng dai hoặc vỏ đá vôi bao bọc, giàu noãn hoàng

**Trả lời:**

   Bảng. Đặc điểm chung của Bò sát

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Môi trường sống | Vảy | Cổ | Vị trí màng nhĩ | Cơ quan di chuyển | Hệ hô hấp | Hệ tuần hoàn | Hệ sinh dục | Trứng | Sự thụ tinh | Nhiệt độ cơ thể |
|  | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| Đặc điểm chung của Bò sát | g | d | c | b | e | i | l | k | m | h | a |

**B.NỘI DUNG BÀI HỌC**

**I. Đa dạng của bò sát**

- Lớp bò sát rất đa dạng, số loài lớn (TG : 6500 loài, VN: 271 loài), chúng có da khô, có lớp vảy sừng bao bọc và sinh sản trên cạn, được chia thành 4 bộ:

+ Bộ Đầu mỏ

+ Bộ Có vảy

+ Bộ Cá sấu

+ Bộ Rùa

- Chúng có lối sống và môi trường sống phong phú.

***Đáp án : Phân biệt ba bộ thường gặp của lớp Bò Sát***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên bộ** | **Đại diện** | **Mai và yếm** | **Hàm** | **Răng** | **Màng vỏ trứng** |
| Bộ có vảy | Thằn lằn bóng, rắn ráo | Không có | Ngắn, có răng | Răng mọc trên xương hàm | Vỏ dai |
| Bộ cá sấu | Cá sấu xiêm | Không có | Dài, có răng | Răng mọc trong lỗ chân răng | Vỏ đá vôi |
| Bộ rùa | Rùa núi vàng | Có | Ngắn, không có răng | không có răng | Vỏ đá vôi |

**II. Các loài Khủng long**

***1. Sự ra đời và thời đại phồn thịnh của khủng long***

-Tổ tiên của bò sát được hình thành cách đây khoảng 280- 230 triệu năm .

- Gặp những điều kiện thuận lợi bò sát cổ đã phát triển rất mạnh mẽ được gọi là thời đại của bò sát hoặc thời đại của khủng long.

***2. Sự diệt vong của khủng long.***

- Lí do diệt vong: Do cạch tranh thức ăn, nơi ở với chim và thú, ảnh hưởng của khí hậu và thiên nhiên.

- Bò sát cơ thể nhỏ :

+ Dễ tìm thấy nơi ẩn trú.

+ Yêu cầu về thức ăn ít.

+ Trứng nhỏ và an toàn hơn

Vì vậy mà chúng tồn tại cho đến ngày nay

**III. Đặc điểm chung**

- Bò sát là ĐVCXS thích nghi với đời sống hoàn toàn ở cạn :

+ Da khô, vảy sừng khô, cổ dài.

+ Màng nhĩ nằm trong hốc tai.

+ Chi yếu có móng vuốt.

+ Phổi có nhiều vách ngăn.

+Tim có vách hụt ngăn tâm thất (Trừ cá sấu), máu đi nuôi cơ thể là máu pha.

+ Động vật biến nhiệt.

+ Có cơ quan giao phối, thụ tinh trong, trứng có màng dai hoặc vỏ đá vôi bao bọc, giàu noãn hoàng

**IV. Vai trò**

***- Lợi ích:***

+ Có ích cho nông nghiệp (tiêu diệt sâu bọ, chuột phá hoại mùa màng)

+ Có giá trị thực phẩm (ba ba , rùa ...)

+ Dược phẩm.

+ Sản phẩm mĩ nghệ.

***- Tác hại:*** Một số loài có nọc độc có thể gây chết người (rắn...)

**C.BÀI TẬP**

- Nêu môi trường sống của từng đại diện của ba bộ bò sát thường gặp

- Đặc điểm chung của lớp bò sát .

**D. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Nêu được các đặc điểm cấu tạo phù hợp với sự di chuyển của bò sát trong môi trường sống trên cạn. Mô tả được hoạt động của các hệ cơ quan